

Số: /2019/QĐ-UBND Long An, ngày tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng
tại chợ và giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại tờ trình số 3062/TTr-SCT ngày 06/12/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ và giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/12/2019 và thay thế Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ và giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước);
- Bộ Tài chính;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- CT; các PCT.UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- PCVP.Phan;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Dung.

QĐ-SCT-GIA DỊCH VU-CHO,TRONG GIU XE

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Cần

QUY ĐỊNH

**Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ
và giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Long An**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND
ngày tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ và giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đối tượng áp dụng

Tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc khai thác, quản lý và sử dụng dịch vụ cho thuê diện tích bán hàng tại chợ và dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Long An.

Chương II

MỨC GIÁ DỊCH VỤ

Điều 2. Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ

STT	Địa điểm, vị trí kinh doanh	Mức giá (đồng/m ² /ngày)		
		Tp. Tân An, TX Kiến Tường	Thị trấn	Xã
1	Tại các chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước			
a)	Hộ kinh doanh thường xuyên, cố định	3.000	2.500	1.500
b)	Hộ kinh doanh không thường xuyên, không cố định tại chợ	2.500	2.000	1.500
c)	Đối với diện tích bán thực phẩm (thịt heo, thịt bò) thuộc dự án Lifsap	3.500	3.000	2.000

2	Tại các chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn viện trợ không hoàn lại	Có thể áp dụng mức giá cao hơn nhưng không quá 02 lần mức giá quy định tại khoản 1 Điều này
----------	---	---

Điều 3. Giá dịch vụ trông giữ xe

STT	Nội dung thu	Mức giá (đồng/xe/lượt)
1.	Đối với các điểm đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	
1.1	<i>Ban ngày</i>	
a)	<i>Tại các cơ sở khám chữa bệnh</i>	
	Xe đạp	1.000
	Xe gắn máy, xe máy điện, xe đạp điện, xe mô tô	2.000
	Xe ô tô đến 16 chỗ ngồi	15.000
	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	20.000
	Xe có tải trọng dưới 2,5 tấn	15.000
	Xe có tải trọng trên 2,5 tấn	20.000
b)	<i>Tại các cơ sở giáo dục đào tạo</i>	
	Xe đạp, xe đạp điện	1.000
	Xe gắn máy, xe máy điện, xe mô tô	2.000
	Xe ô tô đến 16 chỗ ngồi	10.000
	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	15.000
	Xe có trọng tải đến 2,5 tấn	15.000
	Xe có trọng tải trên 2,5 tấn	20.000
c)	<i>Tại Bến xe</i>	
	Xe đạp	1.000
	Xe gắn máy, xe máy điện, xe đạp điện, xe mô tô	3.000

	Xe ô tô đến 16 chỗ ngồi	15.000
	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	25.000
	Xe có trọng tải đến 2,5 tấn	15.000
	Xe có trọng tải trên 2,5 tấn	25.000
d)	<i>Đối với xe bị tạm giữ do vi phạm trật tự an toàn giao thông</i>	
	Xe đạp	2.000
	Xe gắn máy, xe máy điện, xe đạp điện, xe mô tô	6.000
	Xe ba bánh có gắn động cơ	12.000
	Xe ô tô đến 16 chỗ ngồi	35.000
	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	70.000
	Xe tải các loại	70.000
e)	<i>Tại các khu di tích lịch sử, các địa điểm danh lam thắng cảnh, hoạt các điểm không thường xuyên</i>	
	Xe đạp	2.000
	Xe đạp điện	4.000
	Xe gắn máy, xe máy điện, xe đạp điện, xe mô tô	5.000
	Xe ô tô, xe tải các loại	25.000
g)	<i>Tại các chợ, siêu thị, cửa hàng tiện ích</i>	
	Xe đạp	1.000
	Xe gắn máy, xe máy điện, xe đạp điện, xe mô tô	2.000
	Xe ô tô đến 16 chỗ ngồi	12.000
	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	24.000
	Xe tải đến 05 tấn	25.000
	Xe tải trên 05 tấn	30.000

1.2	Ban đêm	Có thể áp dụng mức giá cao hơn nhưng không được quá 02 lần mức giá quy định tại khoản 1.1 bảng biểu này
1.3	Giữ xe cả ngày và đêm	Bằng với mức giá trông giữ xe ban ngày cộng với mức giá trông giữ xe ban đêm
1.4.	Giữ xe tháng	Bằng 50 lần mức giá trông giữ xe ban ngày
2.	Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước hoặc các nguồn không hoàn lại	Không quá 02 (hai) lần mức giá tại khoản 1 bảng biểu này

Mức giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ và giá dịch vụ trông giữ xe tại Điều 2, Điều 3 đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Quản lý và sử dụng nguồn thu

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư kinh doanh dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, kinh doanh dịch vụ trông giữ xe có trách nhiệm niêm yết, thu đúng giá niêm yết quy định tại Điều 2, Điều 3 quy định này.

2. Đối với chợ, địa điểm trông giữ xe đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Riêng đối với giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ: Các đơn vị trực tiếp quản lý có thành lập ban quản lý chợ thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ. Đối với đơn vị khai thác là UBND cấp xã, phường, thị trấn (chưa có ban quản lý chợ) là khoản thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Đối với chợ, địa điểm trông giữ xe đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: khoản thu từ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, thu từ dịch vụ trông giữ xe do tổ chức, cá nhân khai thác thu, có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện thu tiền dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ và trông giữ xe theo quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh hướng dẫn các đối tượng thực hiện và kiểm tra xử lý vi phạm việc thu, quản lý, sử dụng nguồn thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, trông giữ xe đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Cần